

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2020/DS-PT

Ngày: 22-7-2020

V/v tranh chấp: “Chia di sản thừa kế
theo pháp luật”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2019/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 382/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Cao Thị Kim N, sinh năm 1954; (có đơn xin vắng mặt)

2. Ông Cao Tấn P, sinh năm 1963; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P: Luật sư Nguyễn Phước T – Văn phòng Luật sư Võ Văn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Cao Thị B, sinh năm 1947;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1979; (có mặt);

Theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2018

Cùng địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị T1, sinh năm 1935; (có mặt)

2. Ông Cao Văn M, sinh năm 1939; (có mặt)

3. Bà Cao Thị H, sinh năm 1941; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà Cao Thị Kim L, sinh năm 1947; (có mặt)

Địa chỉ: Số 41, ấp Tân Thạnh, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Cao Đình T2, sinh năm 1943; (chết năm 2014)

Người thừa kế quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của ông Cao Đình T2:

5.1. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1953; (đã chết năm 2020)

5.2. Anh Cao Đình H1, sinh năm 1968; (có mặt)

5.3. Chị Cao Thị Diệu H2, sinh năm 1973; (vắng mặt)

5.4. Chị Cao Thị Diệu H3, sinh năm 1975; (vắng mặt)

5.5. Anh Cao Đình H4, sinh năm 1977; (vắng mặt)

5.6. Anh Cao Đình H5, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

6. Ông Huỳnh Văn C2, sinh năm 1940;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Công: Chị Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1979; (có mặt)

Theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2017

Cùng địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

7. Anh Huỳnh Công T3, sinh năm 1968; (có mặt)

8. Chị Huỳnh Thị Diễm T4, sinh năm 1974; (có mặt)

9. Chị Huỳnh Thị Trang Đ, sinh năm 1976; (có mặt)

10. Chị Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1979; (có mặt)

11. Chị Huỳnh Thị Cẩm N, sinh năm 1983; (có mặt)

12. Anh Huỳnh Phạm Thành Đ1, sinh năm 1999; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn – bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Cao Thị Kim N trình bày:

Cha bà là cụ Cao Văn D sinh năm 1914 (chết năm 1959) và mẹ bà là cụ Đoàn Thị H sinh năm 1916 (chết ngày 12/01/2008, theo Giấy chứng tử số 08 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B cấp ngày 28/01/2008), không để lại di chúc. Cụ D và cụ H có tất cả 08 người con gồm bà Cao Thị T1, sinh năm 1935; ông Cao Đình T2, sinh năm 1943 (chết năm 2014); ông Cao Văn M, sinh năm 1939; bà Cao Thị H, sinh năm 1941; bà Cao Thị B,

sinh năm 1947; bà Cao Thị Kim L, sinh năm 1947; bà Cao Thị Kim N, sinh năm 1954 và ông Cao Tấn P, sinh năm 1963. Ngoài 08 người con trên, Cụ D và cụ H không có con nuôi hoặc con riêng nào khác.

Lúc sinh thời, mẹ bà là cụ Đoàn Thị H có tạo lập một căn nhà gắn liền với phần đất ở thửa 397, tờ bản đồ số 8, diện tích 142,2m²; tọa lạc tại Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất do cụ Cao Thị H nhận chuyển nhượng của người khác rồi tặng cho lại cụ H và chị em bà cùng ở chung. Đến năm 2007, lợi dụng lúc cụ H già yếu, bệnh tật không đi lại được nên bà B đã tự lập thủ tục sang tên qua bà B nhưng bà cũng không biết và vẫn ở chung trong căn nhà trên.

Đến tháng 4/2017, bà B không cho bà ở chung trong căn nhà trên và cho rằng nhà và đất thuộc quyền sử dụng của bà B.

Nay bà khởi kiện yêu cầu:

- Xác định thửa đất số 397, tờ bản đồ số 8, diện tích 142,2m²; tọa lạc tại Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Cao Thị B ngày 08/6/2007 và căn nhà gắn liền với thửa đất trên là di sản của cụ H chết để lại;

- Chia phần di sản trên theo quy định của pháp luật làm 08 phần, bà xin nhận bằng giá trị.

Nguyên đơn ông Cao Tấn P trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Cao Thị Kim N, không có trình bày gì thêm. Ông yêu cầu:

- Xác định thửa đất số 397, tờ bản đồ số 8, diện tích 142,2m²; tọa lạc tại Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Cao Thị B ngày 08/6/2007 và căn nhà gắn liền với thửa đất trên là di sản của cụ H chết để lại;

- Chia phần di sản trên theo quy định của pháp luật làm 08 phần, ông xin nhận bằng giá trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Cao Thị B – chị Huỳnh Thị Kim C trình bày:

Cha bà B là cụ Cao Văn D sinh năm 1914 (chết năm 1959) và mẹ bà B cụ bà Đoàn Thị H sinh năm 1916 (chết ngày 12/01/2008). Cụ D và cụ H có tất cả 06 người con gồm bà Cao Thị T1, ông Cao Đình T2 (chết năm 2014), ông Cao Văn M, bà Cao Thị H, bà Cao Thị B và bà Cao Thị Kim L.

Riêng bà Cao Thị Kim N là con của cụ H với cụ Cao Văn T (chết năm 1962), ông Cao Tấn P là con của cụ H với cụ Bạch Thường D (chết năm 1968). Bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P là con riêng của cụ Đoàn Thị H. Khoảng năm 1962, cụ H và bà B có mua của bà Hai Nhỏ căn nhà và phần đất gắn liền với căn nhà để ở hiện nay là nhà Số 227, Tờ 9, Ấp 1, xã H, huyện B với số tiền là 27.000 đồng. Lúc đó, các anh chị em của bà B đều có gia đình, chỉ còn lại bà B, bà N và ông P ở chung với cụ H.

Đến khoảng năm 1966, nhờ dành dụm được số tiền, bà B có mua một căn nhà của bà Mười Nương; căn nhà này ở cùng dãy với nhà của cụ H. Sau năm 1975, bà N làm ăn thất bại, lâm vào cảnh nợ nần. Vì thương em nên bà B đã bán căn nhà mà bà đã mua để cho bà N trả nợ. Vào năm 1998, bà B và các con của bà B có mua một căn nhà của vợ

chồng ông Lê Ba và bà Bé Mười với giá 19 lượng vàng 24K. Đến năm 2004, bà H cho bà B toàn bộ diện tích đất và căn nhà nói trên, đồng thời căn dặn bà B không được bán vì đây là nhà thờ nên bà B đã gộp chung hai căn nhà lại với nhau, quá trình quản lý sử dụng bà B đã kê khai và nộp thuế cho Nhà nước nên đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 với tổng diện tích là 251.4m² thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 08 tại ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Đến năm 2007, bà B tặng cho bà N phần đất có diện tích 109,2m² và bà N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên phần đất của bà B còn lại 142,2m², Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình bà B, bà B đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ năm 2007, đến năm 2008 thì bà H chết, năm 2017 thì phát sinh tranh chấp.

Nay bà B không đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật theo yêu cầu của bà N và ông P vì phần đất trên là tài sản của cá nhân bà B, không phải là di sản thừa kế của cụ H.

Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có: Bà Cao Thị T1, ông Cao Văn M, bà Cao Thị H, bà Cao Thị Kim L, bà Nguyễn Thị C1, chị Cao Thị Diệu H2, chị Cao Thị Diệu H3, anh Cao Đình H1, anh Cao Đình H4, anh Cao Đình H5(là vợ và các con của ông Cao Đình T2 đã chết) thống nhất với lời trình bày của ông Cao Tấn P và bà Cao Thị Kim N:

Không yêu cầu chia di sản của cụ H để lại là căn nhà và phần đất ở thửa 397, tờ bản đồ số 8, diện tích 142,2m²; tọa lạc tại Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang trong vụ án mà tạm giao kỷ phần thừa kế được hưởng theo pháp luật cho ông Cao Tấn P, khi nào cần thì khởi kiện đòi lại bằng một vụ án khác (tại các bút lục số 82, 84, 88, 89, 91)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C2, anh Huỳnh Công T3, chị Huỳnh Thị Diễm T4, chị Huỳnh Thị Trang Đ, chị Huỳnh Thị Kim C, chị Huỳnh Thị Cẩm N và anh Huỳnh Phạm Thành Đ1 thống nhất trình bày :

Thống nhất với lời trình bày của bà Cao Thị B, không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông P và bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, Điều 611, Điều 612, Điều 623 và Điều 649 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đoàn Thị H để lại là căn nhà tường diện tích 52.9m²; tọa lạc tại Tổ 9, Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang làm 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị là 10.309.150 đồng. Chia cho bà Cao Thị B toàn bộ căn nhà tường diện tích 52.9m² là di sản của bà H để lại. Buộc bà Cao Thị B hoàn trả giá trị cho bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P mỗi người là 10.309.150 đồng. Những kỷ phần còn lại giao cho bà B quản lý.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đoàn Thị H phần đất diện tích 142,2m² tọa lạc tại Tổ A, Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/8/2019, các nguyên đơn bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm; sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P khởi kiện yêu cầu Tòa: Xác định thửa đất số 397, tờ bản đồ số 8, diện tích 142,2m²; tọa lạc tại Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Cao Thị B ngày 08/6/2007 và căn nhà gắn liền với thửa đất trên là di sản của cụ H chết để lại;

- Chia phần di sản trên theo quy định của pháp luật làm 08 phần, ông P và bà N xin được nhận bằng giá trị.

Bị đơn bà Cao Thị B không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

*Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn kháng cáo cho rằng phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 397, tờ bản đồ số 8, diện tích 142,2m²; tại Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Cao Thị B ngày 08/6/2007 là di sản của cụ H chết để lại nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do vậy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông P và bà N là có căn cứ.

Đối với căn nhà tường cất trên diện đất nói trên, tòa cấp sơ thẩm xác định đây là di sản thừa kế của cụ H chết để lại là có căn cứ. Tuy nhiên theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có: Bà Cao Thị T1, ông Cao Văn M, bà Cao Thị H, bà Cao Thị Kim L, bà Nguyễn Thị C1, chị Cao Thị Diệu H2, chị Cao Thị Diệu H3, anh Cao Đình H1, anh Cao Đình H4, anh Cao Đình H5(là vợ và các con của ông Cao Đình T2 đã chết) thống nhất với lời trình bày của ông Cao Tấn P và bà Cao Thị Kim N:

Không yêu cầu chia di sản của cụ H để lại là căn nhà và phần đất ở thửa 397, tờ bản đồ số 8, diện tích 142,2m²; tọa lạc tại Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang trong vụ án mà tạm giao kỹ phần thừa kế được hưởng theo pháp luật cho ông Cao Tấn P quản lý, khi nào các đồng thừa kế cần thì sẽ khởi kiện đòi lại bằng một vụ án khác (tại các bút lục số 82, 84, 88, 89, 91) nhưng tòa cấp sơ thẩm giao cho bà B tiếp tục quản lý là trái với sự định đoạt của các đồng thừa kế nên cần sửa giao kỹ phần thừa kế của các đồng thừa kế trên cho ông Cao Tấn P quản lý. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P:

- Về nguồn gốc đất là của cụ Đoàn Thị H theo bị đơn cho rằng đã được cụ H tặng cho bị đơn vào năm 2004 nhưng trong hồ sơ cấp đất không có ý kiến của cụ H vì lúc đó cụ H còn sống và trong hồ sơ cấp đất cho hộ bà B cũng không có hợp đồng tặng cho. Ngoài ra thủ tục cấp đất cho bị đơn thực hiện không đúng với quy định của pháp luật

- Về căn nhà tường cất trên thửa đất nói trên các bên đều thống nhất đây là di sản của cụ H chết để lại nên căn nhà là di sản thừa kế.

Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, ông P xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo pháp luật” là có căn cứ.

Bà Cao Thị Kim N là người kháng cáo bản án sơ thẩm đã có đơn đề nghị tòa xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tòa tiến hành xét xử vắng mặt bà N. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo như: Chị Cao Thị Diệu H2, chị Cao Thị Diệu H3, anh Cao Đình H4, anh Cao Đình H5, anh Huỳnh Phạm Thành Đ1 tất cả đã được tòa triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa và cũng không cho biết lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tòa tiến hành xét xử vắng mặt

[2] Về nội dung vụ án:

- Nguyên đơn bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P yêu cầu tòa xác định thửa đất số 397, tờ bản đồ số 8, diện tích 142,2m²; tọa lạc tại Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Cao Thị B ngày 08/6/2007 và căn nhà gắn liền với thửa đất trên là di sản của cụ H chết để lại;

- Chia phần di sản trên theo quy định của pháp luật làm 08 phần, nguyên đơn xin nhận bằng giá trị (nhận tiền).

- Bị đơn bà Cáo Thị Bảy không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P:

- Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cho thấy phần diện tích đất thửa đất số 397, tờ bản đồ số 8, diện tích 142,2m²; tọa lạc tại Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Cao Thị B ngày 08/6/2007 không phải là di sản thừa kế của cụ Đoàn Thị H chết để lại là có căn cứ. Bởi đúng là lúc đầu là đất của cụ H song trong quá trình quản lý sử dụng bà B là người trực tiếp quản lý sử dụng và đăng ký kê khai nộp thuế đất cho Nhà nước. Vì vậy năm 2004, bà Cao Thị B đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ lần đầu với tổng diện tích là 251.4m² thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 08 tại ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang cũng không có ai tranh chấp.

Đến năm 2007, bà B đã tặng cho bà N 109,2m² đất cũng không có ai tranh chấp. Vì vậy Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ lần 2 cho hộ bà Cao Thị B với tổng diện tích là đất 142,2m² thuộc thửa đất số 397, tờ bản đồ số 8, tại Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Nay bà N và ông P cho rằng bà B lợi dụng lúc cụ H già yếu không đi lại được, bà Cao Thị B đã tự ý làm thủ tục sang tên QSDĐ đất nhưng bà N và ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Vì vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông P và bà N. Án sơ thẩm xác định chỉ có 01 căn nhà tường được cất trên phần diện tích đất nói trên là di sản thừa kế của cụ H chết để lại theo biên bản định giá tài sản thì căn nhà có tổng giá trị là 82.473.200 đồng, chia cho 8 kỳ phần thừa kế thì mỗi kỳ phần được hưởng 10.309.150 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại các bút lục số (82, 84, 88, 89, 91) Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có: Bà Cao Thị T1, ông Cao Văn M, bà Cao Thị H, bà Cao Thị Kim L, bà Nguyễn Thị C1, chị Cao Thị Diệu H2, chị Cao Thị Diệu H3, anh Cao Đình H1, anh Cao Đình H4, anh Cao Đình H5(là vợ và các con của ông Cao Đình T2 đã chết). Không yêu cầu chia di sản của cụ H để lại là căn nhà và phần đất ở thửa 397, tờ bản đồ số 8, diện tích 142,2m²; tại Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang trong vụ án mà giao kỳ phần thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật cho ông Cao Tấn P quản lý, khi nào các đồng thừa kế có nhu cầu thì sẽ khởi kiện đòi lại bằng một vụ án khác. Án sơ thẩm lại giao kỳ phần thừa kế của các đồng thừa kế nói trên cho bà Cao Thị B quản lý là trái với ý chí tự định đoạt của các đồng thừa kế nói trên nhưng những người thừa kế này không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Hơn nữa ở đây những người được hưởng thừa kế cũng chỉ tạm giao chứ không có giao quyền định đoạt. Do vậy án sơ thẩm xử giao các kỳ phần thừa kế còn lại cho bà B quản lý, bà B không có quyền định đoạt cho nên cũng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác, khi nào các đồng thừa kế đòi lại thì bà B phải có nghĩa vụ giao trả lại. Do vậy không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định nói trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N và ông P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 147/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang

[4] Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N và ông P không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[6] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm bà B có đơn xin miễn án phí vì bà thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí. Tuy nhiên bà B không có kháng cáo về phần án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Bởi những phần nào của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

6.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thị Kim N phải chịu là 815.475 đồng.

Ông Cao Tấn P phải chịu là 815.475 đồng.

Bà Cao Thị B phải chịu là 515.475 đồng.

6.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P nên bà N và ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 2, khoản 3 Điều 296, Điều 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468, Điều 611, Điều 612, Điều 623 và Điều 649 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 147/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang

3. Tuyên xử:

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đoàn Thị H để lại là căn nhà tường diện tích 52.9m²; tọa lạc tại Tổ 9, Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang làm 8 kỷ phần thừa kế, mỗi kỷ phần có giá trị là 10.309.150 đồng. Chia cho bà Cao Thị B toàn bộ căn nhà tường diện tích 52.9m² là di sản của bà H để lại.

- Buộc bà Cao Thị B có nghĩa vụ hoàn trả giá trị căn nhà cho bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P mỗi người 01 kỷ phần thừa kế là 10.309.150 (Mười triệu ba trăm lẻ chín ngàn một trăm năm mươi đồng).

- 05 kỷ phần thừa kế còn lại gồm có :

+ Bà Cao Thị T1,

+ Ông Cao Văn M

+ Bà Cao Thị H,

+ Bà Cao Thị Kim L

+ Cao Đình T2 “ (chết năm 2014) hiện có vợ và các con vợ là bà Nguyễn Thị C1 (đã chết 2020), các con chị Cao Thị Diệu H2, chị Cao Thị Diệu H3, anh Cao Đình H1, anh Cao Đình H4, anh Cao Đình H5”, mỗi kỷ phần là 10.309.150 đồng (05 kỷ phần x 10.309.150đồng = 51.545.750 đồng) cho bà Cao Thị B tạm thời quản lý, khi nào các thừa kế này cần đòi lại sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim N và ông Cao Tấn P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đoàn Thị H phần đất diện tích 142,2m² tọa lạc tại Tổ A, Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày bà N và ông P có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà B chậm thi hành án, thì hàng tháng bà B sẽ phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Cao Thị Kim N phải chịu là 815.475 đồng khấu trừ vào số tiền bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng theo biên lai thu dự phí số 07117 ngày 03/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang nên còn phải hoàn lại cho bà N 434.525 đồng tiền tạm nộp dự phí.

- Ông Cao Tấn P phải chịu là 815.475 đồng, khấu trừ vào số tiền ông P đã nộp tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 07116 ngày 03/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang nên còn phải hoàn lại cho ông P 434.525 đồng tiền tạm nộp dự phí.

- Bà Cao Thị B phải chịu là 515.475 đồng.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Cao Kim Nhân và ông Cao Tấn P phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền bà N và ông P đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu dự phí số 0002321, 0002322 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang xem như ông P và bà N đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành án kể từ ngày tuyên án. Bản án được tuyên vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 22/7/2020 có mặt chị C, chị T4, chị N còn những người khác vắng mặt.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng